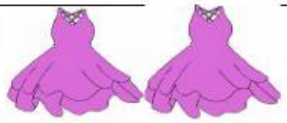
# UNIT 3: ARE THESE HIS PANTS?

**1 : Look , read and write.** ( nhìn hình, chọn đúng từ trên viết dưới hình đúng)

| shorts | dress | socks | pants | shoes | t- shirt |
|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
|  |  |  |  |  |  |
| | | | | | |

**2: Write the answers Yes, they are or No, they aren't. ( Nhìn hình, đọc câu hỏi và viết câu trả lời : Yes, they are hoặc No, they aren't.)**

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1.Are they T-shirts? …… |  | 2.Are they dresses? …… |  |
| 3.Are they socks? …… |  | 4. Are they pants? …… |  |
| 5. Are they shorts? …… |  | 5. Are they shoes? …… |  |

**3 : Look and write : his or her. (Nhìn hình và viết his hoặc her)**

| | | | |
|---|---|---|---|
|  |  |  |  |
| a) These are ..... socks | b) These are ..... shoes. | c. This is ..... dress. | d.This is ..... T- shirt |



## Exercise 4: Look and write. (Viết từ còn thiếu vào chỗ trống)



1. Are these your_____?.



2. Are these your_____?.



3. Are these your_____?.



4. Are these your_____?.

LIVEWORKSHEETS

## Exercise 5 Read. Circle the picture. (Chọn hình đúng)

1 dress






2 shoes






3 pants






4 socks






## Exercise 6 Look and tick. (Chọn câu trả lời đúng)



Are these your socks?

- ☐ Yes, they are
- ☐ No, they aren't



Are these your pants?

- ☐ Yes, they are
- ☐ No, they aren't



Are these your shorts?

- ☐ Yes, they are
- ☐ No, they aren't

LÀM BÀI XONG CHỌN FINISH RỒI CHỌN Check my answers ĐỂ XEM KẾT QUẢ

CHỤP HÌNH KẾT QUẢ BÀI LÀM, KHÔNG CẦN CHỤP CẢ BÀI NHÉ.

LIVEWORKSHEETS